

Số: 892 /QĐ-UBND

Sơn La, ngày 21 tháng 04 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
V/v phê duyệt điều chỉnh dự án Hệ thống thoát nước
và xử lý nước thải thành phố Sơn La

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình; Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ xây dựng; Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 26/12/2023 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1432/QĐ-TTg ngày 21/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án “Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Sơn La” sử dụng vốn ODA của Chính phủ Đức và Chính phủ Thụy Sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 229/NQ-HĐND ngày 04/10/2023 của HĐND tỉnh về phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 831/QĐ-UBND ngày 30/3/2009 của Chủ tịch

UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Sơn La (giai đoạn I);

Căn cứ các quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt điều chỉnh dự án: Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 16/01/2013 về việc phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư công trình Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Sơn La; Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 11/6/2015 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Sơn La; Quyết định số 965/QĐ-UBND ngày 22/5/2021 về việc điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Sơn La; Quyết định số 2842/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 965/QĐ-UBND ngày 22/5/2021 về việc điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Sơn La; Quyết định số 1652/QĐ-UBND ngày 12/8/2022 về việc điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Sơn La; Quyết định số 2807/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Sơn La (phần bổ sung quy mô);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại tờ trình số 96/TTr-SXD ngày 16/4/2025, Thông báo kết quả thẩm định số 818/SXD-QLXD ngày 16/4/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Sơn La, với những nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Sơn La.
2. Địa điểm xây dựng: Thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La;
3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh.
4. Chủ đầu tư: Ban Quản lý các dự án ODA tỉnh.
5. Tổ chức tư vấn lập điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Nam Duong. Địa chỉ: Số 01, LK-01, khu đô thị bản Buôn, phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.
6. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Dự án nhóm B; công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp III.
7. Mục tiêu điều chỉnh dự án: Để nâng cao hiệu quả hoạt động của nhà máy xử lý nước thải, mở rộng phạm vi thu gom, phục vụ của hệ thống theo đúng mục tiêu, thiết kế ban đầu theo nghiên cứu khả thi của dự án, góp phần đáp ứng triệt để nhu cầu thoát nước và xử lý nước thải, bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Sơn La.

8. Quy mô đầu tư xây dựng:

8.1. Khối lượng bổ sung

- Bổ sung 07 giếng tách nước thải nằm trong rãnh thoát nước hiện trạng và đầu nối vào các vị trí hố ga nước thải nằm dưới lòng đường (tuyến đường Trường Chinh và đường Nguyễn Văn Linh);

- Bổ sung hoàn trả toàn bộ mặt đường bằng lớp mặt bê tông nhựa asphalt (từ đỉnh nút giao Đài truyền hình đến nút giao ngã 4 Quyết Thắng đường Nguyễn Lương Bằng);

- Bổ sung mạng đường ống thu gom nước thải, nước mặt và đầu nối hộ gia đình khoảng 1.500m tương ứng với số hộ gia đình được đầu nối khoảng 220 hộ.

8.2. Khối lượng điều chỉnh giảm

- Tuyến đường Nguyễn Văn Linh: Cắt giảm mạng đường ống thu gom nước thải cấp 3 và đầu nối hộ gia đình; hệ thống mương thoát nước mưa dưới lòng đường;

- Tuyến đường Trường Chinh: Cắt giảm mạng đường ống thu gom nước thải cấp 1, 2, 3 và đầu nối hộ gia đình trên tuyến và các ngõ 226, 228, 214, 198 và 192 phía trái tuyến (tính từ ngã 4 Quyết Thắng - ngã 4 Cầu trắng); mạng đường ống thu gom nước thải cấp 3 và đầu nối hộ gia đình phía bên phải tuyến; hệ thống mương thoát nước mưa dưới lòng đường;

- Tuyến đường Nguyễn Lương Bằng: Cắt giảm hệ thống mương thoát nước mưa dưới lòng đường.

8.3. Giải pháp thiết kế chủ yếu (*phần điều chỉnh tăng*)

8.3.1. Đường Nguyễn Lương Bằng: Hoàn trả toàn bộ mặt đường bằng bê tông nhựa loại C $\leq$ 12,5 vị trí từ MH_6-2-8-1 đến MH_6-2-9 với diện tích khoảng 2.000m².

8.3.2. Đường Nguyễn Văn Linh và đường Trường Chinh: Bổ sung 07 giếng tách nước thải bằng bê tông cốt thép chịu lực cấp độ bền B20 (mác 250).

8.3.3. Bổ sung mở rộng mạng lưới đường ống thu gom nước thải thêm khoảng 220 hộ: Lưu vực đường Nguyễn Trãi, đường Lê Đức Thọ, đường 3/2 và đường Nguyễn Lương Bằng cụ thể:

a) Hệ thống đường ống thoát nước thải:

- Đường ống cấp 1 và cấp 2: Đường kính ống Ø200 chiều dài khoảng L= 228,9m và đường kính ống Ø160 chiều dài khoảng L= 575,4m;

- Đường ống cấp 3: Đường kính ống Ø160, tổng chiều dài khoảng L= 433,96m;

- Xây dựng 44 hố ga trên mạng lưới thoát nước. Kết cấu móng, thành bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B20÷B22.5 mác (250÷300), tấm nắp bê tông cốt thép cấp độ bền B22.5 (mác 300).

b) Hộp đấu nối gia đình: Sử dụng hố thu bằng nhựa u.PVC 2 nhánh và 4 nhánh đường kính DN200; thân hộp đấu nối sử dụng ống nhựa u.PVC DN200; nắp hố thu bằng nhựa Composite đối với các tuyến đường trong ngõ, bằng gang đối với tuyến đường trục chính.

c) Hệ thống đường ống thoát nước mưa: Hệ thống rãnh thoát nước các tuyến đường giao thông được đấu nối với đường thoát nước chính thông qua các hố thu bằng bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B20 (mác 250) lắp ghép.

8.4. Các hạng mục, chi tiết khác: Theo hồ sơ thiết kế cơ sở điều chỉnh.

9. Bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo Quyết định này.

10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

10.1. Số bước thiết kế: 02 bước.

10.2. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

10.2.1. Quy chuẩn

- QCVN 01-2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

- QCVN 02-2022/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng;

- QCVN 03-2022/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp công trình phục vụ thiết kế xây dựng;

- QCVN 06-2022/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình;

- Quy chuẩn sửa đổi 01:2023 QCVN 06:2022/BXD Về an toàn cháy cho nhà và công trình;

- QCVN 07-2023/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình Hạ tầng kỹ thuật;

- QCVN 18-2014/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia an toàn trong xây dựng;

- QCVN 16-2023/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;

- QCVN 14-2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt;

- QCVN 01-2020/BCT: Quy chuẩn quốc gia về an toàn điện.

10.2.2. Tiêu chuẩn

- TCVN 4419-1987: Khảo sát xây dựng - Nguyên tắc cơ bản;
- TCXD 112-1984: Hướng dẫn thực hành khảo sát đất xây dựng bằng thiết bị mới (thiết bị đo PNUD đầu tư) và sử dụng tài liệu thiết kế công trình;
- TCVN 9398-2012: Công tác trắc địa trong xây dựng công trình-Yêu cầu chung;
- TCXDVN 265-2002: Đường và hè phố-Nguyên tắc cơ bản xây dựng công trình để đảm bảo người tàn tật tiếp cận sử dụng;
- TCVN 5574-2018: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 4506-2012: Nước cho bê tông và vữa-yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN 5575-2024: Kết cấu thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9379-2012: Kết cấu xây dựng và nền-Nguyên tắc cơ bản về tính toán;
- 22TCN263-2000: Quy trình khảo sát đường ô tô;
- 22TCN-211-06: Quy trình thiết kế áo đường mềm;
- 22TCN-223-95: Quy trình thiết kế áo đường cứng;
- TCVN 8491-2:2011: Hệ thống ống bằng chất dẻo dùng cho hệ thống cấp nước, thoát nước và cống rãnh được đặt ngầm và nổi trên mặt đất trong điều kiện có áp suất - Poly (vinyl clorua) không hóa dẻo (PVC-U) Phần 2: Ống;
- TCVN 8491-3:2011: Hệ thống ống bằng chất dẻo dùng cho hệ thống cấp nước, thoát nước và cống rãnh được đặt ngầm và nổi trên mặt đất trong điều kiện có áp suất - Poly (vinyl clorua) không hóa dẻo (PVC-U) Phần 3: Phụ tùng;
- TCVN 8491-5:2011: Hệ thống ống bằng chất dẻo dùng cho hệ thống cấp nước, thoát nước và cống rãnh được đặt ngầm và nổi trên mặt đất trong điều kiện có áp suất - Poly (vinyl clorua) không hóa dẻo (PVC-U) Phần 5: Sự phù hợp với mục đích của hệ thống;
- TCVN 7957-2023: Thoát nước-Mạng lưới và công trình bên ngoài-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 13606-2023: Cấp nước-Mạng lưới đường ống và công trình yêu cầu thiết kế;
- Các tiêu chuẩn khác có liên quan.

11. Tổng mức đầu tư, giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư: 932.412,363 triệu đồng (Bằng chữ: Chín trăm ba mươi hai tỷ, bốn trăm mười hai triệu, ba trăm sáu ba nghìn đồng), trong đó:

Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: 9.715,569 Triệu đồng;

Chi phí XD, thiết bị:	753.228,276	Triệu đồng;
Chi phí quản lý dự án:	8.642,758	Triệu đồng;
Chi phí tư vấn ĐTXD:	76.259,268	Triệu đồng;
Chi phí khác:	8.312,102	Triệu đồng;
Chi phí dự phòng:	76.254,390	Triệu đồng.

Bảng tổng hợp chi phí, cơ cấu vốn, tổng mức đầu tư sau điều chỉnh:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung chi phí	Vốn vay ODA	Vốn ODA viện trợ không hoàn lại	Vốn đối ứng	Tổng cộng
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư			9.715,569	9.715,569
2	Chi phí xây dựng, thiết bị	570.090,032		183.138,244	753.228,276
3	Chi phí quản lý dự án			8.642,758	8.642,758
4	Chi phí tư vấn ĐTXD		57.451,315	18.807,953	76.259,268
5	Chi phí khác			8.312,102	8.312,102
6	Chi phí dự phòng	62.536,416		13.717,974	76.254,390
7	Tổng cộng (Làm tròn)	632.626,448	57.451,315	242.334,600	932.412,363

12. Tiến độ thực hiện dự án: Đến hết ngày 31/12/2025 (theo Nghị quyết số 229/NQ-HĐND ngày 04/10/2023).

13. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Quyết định số 831/QĐ-UBND ngày 30/3/2009; Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 16/1/2013; Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 11/6/2015; Quyết định số 2895/QĐ-UBND ngày 27/11/2019; Quyết định số 965/QĐ-UBND ngày 22/5/2021; Quyết định số 2842/QĐ-UBND ngày 19/11/2021; Quyết định số 965/QĐ-UBND ngày 22/5/2021; Quyết định số 2807/QĐ-UBND ngày 26/12/2023.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ban quản lý các dự án ODA tỉnh (*chủ đầu tư*): Có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo các nội dung ghi tại Điều 1 Quyết định này, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, hiệu quả, không để thất thoát, lãng phí vốn đầu tư; Quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng theo đúng quy định.

2. Sở Xây dựng: Chịu trách nhiệm trước pháp luật, UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh về các thông tin, quy trình, số liệu trình phê duyệt điều chỉnh dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Sơn La. Hướng dẫn chủ đầu tư triển khai dự án đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc khu vực IX; Giám đốc Ban quản lý các dự án ODA tỉnh; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Thường trực tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- Văn phòng UBND tỉnh (LĐ.VP, P.KT);
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu VT, KT, Việt.15b.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Minh